2026-10-22 CSCA30_De_06_Cau_031

Mã bài CSCA30_De_06_Cau_031
Đề 06 · Câu 031 · Ngày 2026-10-22
Chương 11 - Vectơ mặt phẳng · Dễ

Kết quả / 答案 C

解题步骤 · Lời giải tiếng Trung

第1步：$|(a,b)|=\sqrt{a^2+b^2}$。
→ 原理：两点间距离（向量的模）：$AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$（勾股定理），空间中再加 $(z_2-z_1)^2$。
第2步：$|\vec{a}|=5$。
→ 原理：同上，两点间距离（向量的模）：$AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$（勾股定理），空间中再加 $(z_2-z_1)^2$。
说明：向量 (a,b) 的模为 $\sqrt{a^2+b^2}$。因此 $|\vec{a}|=\sqrt{3^2+4^2}=\sqrt{25}=5$。
结论：选 C。

Các bước giải · Lời giải tiếng Việt

Bước 1 – $|(a,b)|=\sqrt{a^2+b^2}$.
→ Lý thuyết: Khoảng cách hai điểm (độ dài vectơ): $AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$, chính là định lý Pythagore; trong không gian thêm $(z_2-z_1)^2$. Phương trình chứa bình phương thường cho hai nghiệm, phải lấy đủ.
Bước 2 – $|\vec{a}|=\sqrt{9+16}=\sqrt{25}=5$.
→ Lý thuyết: nhắc lại – Khoảng cách hai điểm (độ dài vectơ): $AB=\sqrt{(x_2-x_1)^2+(y_2-y_1)^2}$, chính là định lý Pythagore; trong không gian thêm $(z_2-z_1)^2$.
Nhận xét: Độ dài vectơ (a,b) bằng $\sqrt{a^2+b^2}$. Vì thế $|\vec{a}|=\sqrt{3^2+4^2}=\sqrt{25}=5$.
Kết luận: chọn C.

Mở đề bài / 查看题目